

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2019

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hà Bắc

2. Ông Nguyễn Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2019/ TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Phùng Cao L; sinh năm 1976.

Đều có địa chỉ: xóm 1, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: có mặt chị H, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, bản tự khai ngày 06/3/2019 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Phùng Cao L tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2002. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh L là người có tính gia trưởng hay ghen tuông vô cớ thường xuyên đánh đập vợ con, ham chơi, không lo toan cho gia đình. Vì thương con lên chị đã cố gắng chung sống mà bỏ qua lỗi lầm

cho anh L rất nhiều lần nhưng anh L không chuyển biến. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Cao L.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Phùng Thị Phương U, sinh ngày 03/12/2003; Phùng Thị Phương A sinh ngày 16/9/2005; Phùng Ngọc Tr sinh ngày 26/02/2012 và Phùng Nhật H sinh ngày 25/02/2015, vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là để cho anh L tiếp tục nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của các cháu Phùng Thị Phương U; Phùng Thị Ph, trình bày nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu được ở với bố, còn cháu Phùng Ngọc Tr có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại biên bản làm việc với cơ sở xóm nơi anh L, chị H cư trú đã cung cấp: Không rõ nguyên nhân gì dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị H đã bỏ nhà đi từ năm 2017 thỉnh thoảng mới về thăm con, hiện nay cả bốn con chung đang ở với anh L. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh L, nên giao cả bốn con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng nhằm đảm bảo tâm lý và ổn định học hành cho các cháu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Cao L. Về con chung: Giao anh L trực tiếp nuôi ba con chung là: Phùng Thị Phương U, sinh ngày 03/12/2003; Phùng Thị Phương A sinh ngày 16/9/2005; và Phùng Nhật H sinh ngày 25/02/2015. Giao chị H trực tiếp nuôi con chung là Phùng Ngọc Tr, sinh ngày 26/02/2012. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Phùng Cao L; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 1, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Anh Phùng Cao L (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phùng Cao L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Cao L tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/4/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung

sống thực sự hạnh phúc được thời gian chưa lâu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh L không quan tâm chăm lo cho gia đình, hơn nữa có tính hay ghen tuông vô cớ thường xuyên đánh đập vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết càng thể hiện anh L không thiết tha với việc đoàn tụ gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị H xin ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Phùng Thị Phương U, sinh ngày 03/12/2003; Phùng Thị Phương A sinh ngày 16/9/2005; Phùng Ngọc Tr sinh ngày 26/02/2012 và Phùng Nhật Hg sinh ngày 25/02/2015. Chị H có nguyện vọng để anh L tiếp tục nuôi con.

Việc giao con cho bên nào nuôi phải xem xét toàn diện vào điều kiện thực tế về khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con cũng như xem xét đến nguyện vọng của con và ý kiến của địa phương.

Xét điều kiện hiện tại của chị H, anh L cho thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả bốn con chung đều do anh L trực tiếp nuôi dưỡng thì các cháu vẫn ổn định cuộc sống cũng như nơi ở và học hành đầy đủ. Tại phiên tòa chị H trình bày hiện nay chị đi làm công nhân xa nhà thu nhập và chỗ ở không được ổn định. Do vậy căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao anh L trực tiếp nuôi ba con chung là Phùng Thị Phương U, Phùng Thị Phương A, Phùng Nhật H; Giao chị H trực tiếp nuôi con chung là Phùng Ngọc Tr. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Cao L.

2. Về con chung: Giao anh Phùng Cao L trực tiếp nuôi ba con chung là Phùng Thị Phương U, sinh ngày 03/12/2003; Phùng Thị Phương A sinh ngày 16/9/2005 và Phùng Nhật H sinh ngày 25/02/2015. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung là Phùng Ngọc Tr, sinh ngày 26/02/2012 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000331 ngày 26/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ông Ngọc Lễ